

DVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Kế hoạch vốn giao năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài và thực hiện sang năm 2025)										Kết quả giải ngân năm 2025 (đã quyết toán năm 2025)	Đã làm thủ tục chuyển nguồn sang năm 2026	Tổng số kinh phí đã nộp trả ngân sách, hủy dự toán (đã có chứng từ nộp trả)			Không còn nhu cầu; Đề xuất hoàn trả ngân sách nhà nước (không bao gồm số đã có chứng từ nộp trả)			Kết quả giải ngân 06 tháng đầu năm 2026 (tính đến thời điểm 20/7/2026)			Ghi chú				
		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025		Tổng vốn	Trong đó:																	
														NSTW	NSDP	Tổng vốn	Trong đó:										
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP								Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn		NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW
	TỔNG CỘNG	9.433	9.433	-	5.200	5.200	-	4.232	4.232	-	1.421	1.421	-	3.666	8.012	-	-	-	-	-	-	-	163	163	-		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	738	738	-	503	503	-	235	235	-	-	-	-	738	738	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	738	738	-	503	503	-	235	235	-				738	738												
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.733	2.733	-	1.031	1.031	-	1.702	1.702	-	460	460	-	2.273	2.273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3.1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	1.268	1.268	-	-	-	-	1.268	1.268	-	-	-	-	1.268	1.268	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	1.268	1.268	-	-	-	-	1.268	1.268	-				1.268	1.268												
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu	1.465	1.465	-	1.031	1.031	-	434	434	-	460	460	-	1.005	1.005	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	1.465	1.465	-	1.031	1.031	-	434	434	-	460	460		1.005	1.005												
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	82	82	-	52	52	-	30	30	-	52	52	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	82	82	-	52	52	-	30	30	-	52	52	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	82	82	-	52	52	-	30	30		52	52			30												
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5.044	5.044	-	2.879	2.879	-	2.165	2.165	-	401	401	-	367	4.643	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5.1	Tiểu dự án 1: Xây dựng mô hình nông trường có phát triển các nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	359	359	-	197	197	-	162	162	-	-	-	-	359	359	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	359	359	-	197	197	-	162	162	-				359	359												
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nhà trường	4.573	4.573	-	2.579	2.579	-	1.994	1.994	-	297	297	-	-	4.275	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	4.573	4.573	-	2.579	2.579	-	1.994	1.994	-	297	297			4.275												
5.4	Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	112	112	-	103	103	-	9	9	-	103	103	-	9	9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	112	112	-	103	103	-	9	9	-	103	103		9	9												
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	193	193	-	136	136	-	57	57	-	95	95	-	98	98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

1	Kon Braih	193	193	-	136	136	-	57	57	-	95	95		98	98											
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em																									
		269	269	-	269	269	-	-	-	-	100	100	-	169	169	-	-	-	-	-	-	-	163	163	-	
1	Kon Braih	269	269	-	269	269	-	-	-	-	100	100		169	169								163	163		
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn																									
		74	74	-	74	74	-	-	-	-	74	74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
9.2	Tiền dự án 2: Nhóm miền kinh tế của dân tộc thiểu số	74	74	-	74	74	-	-	-	-	74	74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	74	74	-	74	74	-	-	-	-	74	74														
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương																									
		300	300	-	256	256	-	44	44	-	239	239	-	21	61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10.1	Tiền dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng																									
		205	205	-	205	205	-	-	-	-	166	166	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Cấp tỉnh				-			-																		
1	Kon Braih	205	205	-	205	205	-	-	-	-	166	166			40											
10.2	Tiền dự án 2: Công tác của nhà trường, tổ chức xã hội	0	0	-	0	0	-	-	-	-	-	-	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	0	0		0	0								0	0											
10.3	Tiền dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT																									
		94	94	-	51	51	-	44	44	-	73	73	-	21	21	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kon Braih	94	94	-	51	51	-	44	44	-	73	73		21	21											

phụ lục 1
TỔNG HỢP NHU CẦU ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG THÀNH PHẦN THỰC HIỆN CÁC CTMTQG PTKTXH VÙNG ĐBĐTT&MN
ĐỐI VỚI NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CÒN LẠI CỦA NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN NĂM TRƯỚC CHUYỂN QUA)
(Kèm theo Báo cáo số /UBND - TCCT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Kon Braih)

DVT: Đồng

TT	Chương trình	Dự toán còn lại đề nghị kéo dài thực hiện đến 31/12/2026									Đề nghị điều chỉnh		Sau khi điều chỉnh đề nghị thực hiện đến 31/12/2026			Ghi chú (nếu rõ lý do điều chỉnh)
		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được					Trong đó:			
			NSTW	NSDP	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tăng	Giảm	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
						NSTW	NSDP		NSTW	N S D P						
	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.011.375.959	8.011.375.959	0	3.972.500.486	3.972.500.486		4.038.875.473	4.038.875.473		7.031.483.878	7.031.483.878	8.011.375.959	8.011.375.959		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	737.592.000	737.592.000		503.000.000	503.000.000		234.592.000	234.592.000			737.592.000				Không còn đối tượng thụ hưởng
2	Dự án 3: Phát triển SX nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để SX hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.273.019.580	2.273.019.580		570.770.000	570.770.000		1.702.249.580	1.702.249.580			1.968.019.580	305.000.000	305.000.000		
-	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	1.268.000.000	1.268.000.000					1.268.000.000	1.268.000.000			963.000.000	305.000.000	305.000.000		
-	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	963.000.000	963.000.000		0	0		963.000.000	963.000.000			963.000.000				Không còn đối tượng thụ hưởng
-	Hỗ trợ giao trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	305.000.000	305.000.000		0	0		305.000.000	305.000.000				305.000.000	305.000.000		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ PTSX theo cuối giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS&MN	1.005.019.580	1.005.019.580		570.770.000	570.770.000		434.249.580	434.249.580			1.005.019.580				Không còn đối tượng thụ hưởng
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	30.447.893	30.447.893					30.447.893	30.447.893		6.881.483.878		6.911.931.771	6.911.931.771		-
-	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	30.447.893	30.447.893					30.447.893	30.447.893		6.881.483.878		6.911.931.771	6.911.931.771		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	4.642.912.298	4.642.912.298		2.649.082.298	2.649.082.298	0	1.993.830.000	1.993.830.000			4.325.312.298	317.600.000	317.600.000		
-	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	70.082.298	70.082.298		70.082.298	70.082.298						52.482.298	17.600.000	17.600.000		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026

-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	4.572.830.000	4.572.830.000		2.579.000.000	2.579.000.000		1.993.830.000	1.993.830.000			4.272.830.000	300.000.000	300.000.000		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	97.532.108	97.532.108		40.642.108	40.642.108		56.890.000	56.890.000				97.532.108	97.532.108		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	169.046.080	169.046.080		169.046.080	169.046.080					150.000.000		319.046.080	319.046.080		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	60.366.000	60.366.000		39.500.000	39.500.000		20.866.000	20.866.000			100,000	60.266.000	60.266.000		-
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào	39.400.000	39.400.000		39.400.000	39.400.000							39.400.000	39.400.000		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo ANTT vùng ĐBDTTS&MN	100,000	100,000		100,000	100,000						100,000				
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	20.866.000	20.866.000					20.866.000	20.866.000				20.866.000	20.866.000		Kéo dài và tiếp tục thực hiện, giải ngân đến 31/12/2026
	Số KP chưa giao cho các đơn vị	460,000	460,000		460,000	460,000						460,000				

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2025
(VỐN ĐẦU TƯ CÔNG)

[illegible]

10.1	Tiểu dự án 1: Biển dương, tôn vinh diễn hình tiền tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Kon Braih																					
10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	42	42	-	-	-	-	42	42	-	-	-	-	42	42	-	-	-	-	-	-	-
	Kon Braih	42	42					42	42					42	42							

